



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



DONG DO
UNIVERSITY
Be International

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-ĐHDD ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Thạc sỹ theo định hướng ứng dụng
ngành Tài chính – Ngân hàng
Trình độ đào tạo : Thạc sỹ
Ngành đào tạo : Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành : 8340201
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo trình độ sau đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngành Tài chính – Ngân hàng được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2022 và được bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học và thị trường lao động có liên quan đến Ngành Tài chính - Ngân hàng trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành Tài chính – Ngân hàng
- + Tên tiếng Anh: Master's degree in Finance - Banking
- Mã ngành: 834.02.01
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: thạc sĩ.
- + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- + Tên tiếng Anh: Master's degree in Finance – Banking.
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đông Đô
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đông Đô
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
 - a. *Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):*
 - Tuyển sinh chương trình Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - Theo đề án tuyển sinh cụ thể của Trường Đại học Đông Đô công bố hàng năm
 - Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Không yêu cầu.
 - Về lý lịch bản thân:
 - + Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
 - + Được cơ quan đồng ý cử đi học (nếu là CB-CNV hay giáo viên đương chức).
 - + Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo qui định số 10/TT-LB ngày 18/08/2003 và

công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có đủ các điều kiện dự tuyển khác theo qui chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Trường Đại học Đông Đô.

+ Sinh viên tốt nghiệp các nhóm ngành gần phù hợp được học bổ sung kiến thức theo công bố cụ thể từng năm của Trường Đại học Đông Đô.

b. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

c. Điều kiện tốt nghiệp:

+ Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

+ Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung (Programme General Objectives - PGO)

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - ngân hàng; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo bậc cao học; có khả năng học tập suốt đời; có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể: (Programme Objectives – Gọi tắt là POs)

PO1: (K) Triển khai được các kiến thức và nguyên lý triết học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn lĩnh vực tài chính ngân hàng; có kỹ năng cơ bản về ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

PO2: (K) Phân tích sâu, rộng kiến thức chuyên ngành về đầu tư tài chính, thị trường tài chính, tín dụng ngân hàng thương mại, quản trị rủi ro tài chính, hệ thống thông tin quản lý để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản trị tài chính trong doanh nghiệp về chi phí, doanh thu, lợi nhuận, huy động vốn, thanh toán quốc tế.

PO3: (S) Sử dụng thuần thục kỹ năng phân tích tình huống, tổng hợp thông tin để kiểm soát tốt các tình huống chuyên môn phát sinh trong quá trình hoạt động về vấn đề tài chính của ngân hàng và và tổ chức tín dụng khác.

PO4 (S) Đủ điều kiện tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn (Tiến sĩ) và có điều kiện học liên thông sang các chuyên ngành khác; khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển ngành tài chính – ngân hàng trong tương lai, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

PO5: (S) Thực hiện mức độ cao việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của ngân hàng, của thị trường chứng khoán và tổ chức tín dụng khác

PO6: (A) Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, trách nhiệm và hợp tác, giúp đỡ, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và kế toán, chủ động và sáng tạo trong công việc chuyên môn, khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân và người khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1. Kiến thức		
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	<i>Triển khai</i> được các kiến thức và nguyên lý triết học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn lĩnh vực tài chính ngân hàng	K3/5
PLO2 (K)	<i>Triển khai</i> kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ chuyên ngành (B2) để áp dụng vào giải quyết các tình huống công việc cụ thể trong thực tiễn tác nghiệp lĩnh vực liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.	K3/5
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	<i>Triển khai</i> tốt kiến thức nền tảng cơ sở ngành về quản trị kinh tế, tài chính – tiền tệ, tài chính công, kiểm toán vào giải quyết các tình huống chuyên môn cụ thể.	K3 /5
PLO4 (K)	<i>Triển khai</i> tốt kiến thức về kinh tế vi mô, vĩ mô, kinh tế lượng và kinh tế quốc tế để tác nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng trong nước và hội nhập quốc tế	K3/5
1.3.	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	<i>Phân tích</i> sâu, rộng kiến thức chuyên ngành về đầu tư tài chính, thị trường tài chính, tín dụng ngân hàng thương mại, quản trị rủi ro tài chính, hệ thống thông tin quản lý để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản trị tài chính trong doanh nghiệp về chi phí, doanh thu, lợi nhuận, huy động vốn...	K4/5
PLO6 (K)	<i>Phân tích</i> sâu rộng kiến thức về hoạt động kinh doanh của ngân hàng bán lẻ, tài chính cá nhân, quản lý sự thay đổi, ngân hàng đầu tư đặc biệt là kiến thức và phương pháp phân tích tài chính nói chung để phân tích thị trường chứng khoán, thị trường ngoại hối, thanh toán quốc tế...	K4/5
2. Kỹ năng		
2.1. Kỹ năng nghề nghiệp		
PLO7 (S)	<i>Thực hiện</i> thuần thục các nghiệp vụ quản trị tài chính ngân hàng chủ yếu của doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức xã hội	S3/5

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
PLO8 (S)	<i>Sử dụng thuần thục</i> kỹ năng phân tích tình huống, tổng hợp thông tin để kiểm soát tốt các tình huống chuyên môn phát sinh trong quá trình hoạt động về vấn đề tài chính của ngân hàng và và tổ chức tín dụng khác.	S3/5
PLO9 (S)	<i>Thực hiện mức độ cao</i> việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của ngân hàng, của thị trường chứng khoán và tổ chức tín dụng khác	S4/5
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử/		
PLO10 (S)	<i>Hình thành</i> tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, linh hoạt, thích nghi kịp thời với sự thay đổi của hoàn cảnh học tập và làm việc	S4/5
2.3. Thái độ, mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 (A)	<i>Chia sẻ</i> kiến thức, kinh nghiệm, trách nhiệm và hợp tác, giúp đỡ, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và kế toán.	A3/4
PLO12 (A)	<i>Xây dựng kế hoạch</i> cho quá trình học và nghiên cứu, khởi sự khởi nghiệp cho bản thân và cho cộng đồng	A4/4

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Học viên tốt nghiệp thạc sỹ và đạt đầu ra chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Đông Đô có thể làm việc tại các bộ phận, doanh nghiệp như sau:

4.1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

- Có thể đảm nhận những vị trí công việc liên quan đến tài chính và tài chính doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội từ Trung ương đến địa phương như: các Bộ, Ban, Ngành; các Sở và các Hiệp hội....;
- Có thể đảm nhận nhiều vị trí khác nhau liên quan đến hoạt động tài chính và quản trị tài chính tại các loại hình doanh nghiệp, các công ty, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và các tổ chức tài chính (ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư...). Các công việc có thể đảm nhận như: Phân tích tài chính doanh nghiệp, tham gia hoạch định chiến lược, kế hoạch hóa và dự báo tài chính doanh nghiệp; phân tích và đánh giá dự án đầu tư; phân tích thị trường tài chính, đầu tư và huy động vốn; tái cấu trúc doanh nghiệp...;
- Có thể đảm nhận những vị trí công tác về giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo (các học viện, trường đại học, cao đẳng), các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung và tài chính doanh nghiệp nói riêng.

4.2. Chuyên ngành ngân hàng

- Làm việc tại các NH (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng phát triển...), các tổ chức tín dụng khác: các Quỹ tín dụng, Công ty Tài chính, Công ty Bảo hiểm, Công ty Cho thuê tài chính... ở tất cả các vị trí nghiệp vụ tại trụ sở chính và tại các chi nhánh.

- Làm việc tại Ngân hàng Nhà nước: có thể đảm nhận các công việc như nhân viên nghiệp vụ tại SGD, nhân viên của các Vụ: Vụ chính sách tiền tệ, Vụ quan hệ quốc tế, Vụ Tín dụng, Vụ chế độ Kế toán, Vụ Quản lý ngoại hối... các chi nhánh, văn phòng đại diện của Ngân hàng Nhà nước.

- Có thể đảm nhiệm những vị trí công tác về giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo (các học viện, trường đại học, cao đẳng), các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung và Ngân hàng nói riêng.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	10
Khối kiến thức cơ sở ngành	19
Khối kiến thức chuyên ngành	22
Thực tập & Đề án tốt nghiệp	9
Tổng	60

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (Bắt buộc)			10		
1	8GDC001	Triết học	4	4	0
2	8GDC002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
3	8TCN001	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	2	1
6.2.2. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)			13		
4	8TCN002	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3	0
5	8TCN003	Tài chính doanh nghiệp	2	2	0
6	8TCN004	Tài chính quốc tế	3	3	0
7	8TCN005	Mô hình tài chính công	2	2	0
8	8TCN006	Quản trị ngân hàng thương mại	3	3	0
6.2.3. Kiến thức cơ sở ngành (tự chọn)			6		
9	8TCN007	Kinh tế vĩ mô	2	2	0
10	8TCN008	Kinh tế vi mô	2	2	0

11	8TCN009	Kinh tế lượng	2	2	0
12	8TCN010	Kiểm toán cơ bản	2	2	0
6.2.4. Kiến thức chuyên ngành (Bắt buộc)			13		
13	8TCN011	Đầu tư tài chính	3	3	0
14	8TCN012	Thị trường tài chính	2	2	0
15	8TCN013	Tín dụng ngân hàng thương mại	3	3	0
16	8TCN014	Quản trị rủi ro tài chính	3	3	0
17	8TCN015	Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0
6.2.5. Kiến thức chuyên ngành (tự chọn)			9		
18	8TCN016	Ngân hàng bán lẻ	3	3	0
19	8TCN017	Phân tích tài chính	3	3	0
20	8TCN018	Tài chính cá nhân	3	3	0
21	8TCN019	Quản lý sự thay đổi	3	3	0
22	8TCN020	Ngân hàng đầu tư	3	3	0
6.2.6. Đề án tốt nghiệp			9		
23	8TCN021	Đề án tốt nghiệp	9	0	9
Tổng cộng			60		